

Số: 31/QĐ-CTS

Hà nội, ngày 17 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025  
của Cục Tàn số vô tuyến điện**

**CỤC TRƯỞNG CỤC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 2253/QĐ-BTTTT ngày 06/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tàn số vô tuyến điện;*

*Căn cứ Quyết định số 2369/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch và Đầu tư,

**QUYẾT ĐỊNH:**

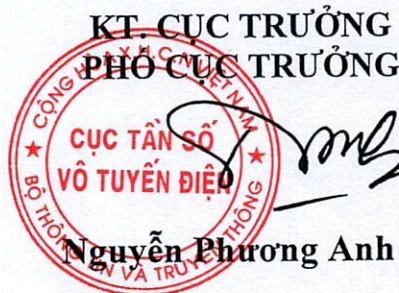
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Tàn số vô tuyến điện (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Phòng Tài chính Kế toán và các Giám đốc Trung tâm Tàn số vô tuyến điện khu vực chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Vụ KHTC (để b/c);
- PCT phụ trách Lê Thái Hòa (để b/c);
- Lưu VT, KHĐT. (02)



BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN



Phụ lục:  
**CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 31/QĐ-CTS ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Cục Tần số)

**Đơn vị: Cục Tần số vô tuyến điện**

Đơn vị: triệu đồng

| TT        | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tổng số        |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>A</b>  | <b>Số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                |
| <b>I</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>718.878</b> |
| 1         | Lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4.000          |
| -         | Lệ phí cấp phép tần số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4.000          |
| 2         | Phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 714.878        |
| -         | Phí tần số vô tuyến điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 714.878        |
| <b>II</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>718.878</b> |
| 1         | Lệ phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4.000          |
| 2         | Phí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 714.878        |
| <b>B</b>  | <b>Chi ngân sách nhà nước</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>162.288</b> |
| <b>I</b>  | <b>Chi quản lý hành chính (Loại 340, Khoản 341)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>162.288</b> |
| 1         | Chi thường xuyên, tự chủ (mã nguồn 13)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 85.458         |
| -         | Quỹ lương và thu nhập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 69.178         |
| -         | Chi hoạt động thường xuyên theo biên chế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 16.280         |
| 2         | Quỹ thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3.155          |
| 3         | Chi thường xuyên, không tự chủ (mã nguồn 12)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 73.675         |
|           | Chi hoạt động ấn định tần số vô tuyến điện, kiểm soát tần số vô tuyến điện, xử lý nhiễu có hại, kiểm tra tần số vô tuyến điện, phối hợp quốc tế về tần số vô tuyến điện, vận hành hoạt động của các Đài kiểm soát, trạm kiểm soát, các cơ sở làm việc và khai thác Trung tâm thiết bị kiểm soát tần số, dữ liệu, lưu trữ (thực hiện theo quy định tại ghi chú 05 phụ lục Bộ Thông tin và Truyền thông kèm theo Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 06/12/2024) | 73.675         |